

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 6 - 2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Toàn.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2021, về việc ly hôn Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh N, sinh ngày 24/01/2001 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đặng Hoàng T, sinh ngày 14/02/1998 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Huỳnh N trình bày:

Về hôn nhân, vào ngày 17/02/2021 bà (Huỳnh N) và ông Đặng Hoàng T xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông Đặng Hoàng T không còn sống chung từ cuối tháng 4/2021 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với

ng Đặng Hoàng T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/6/2021 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Đặng Hoàng T trình bày: ô

Ông (Đặng Hoàng T) thống nhất với phần trình bày của bà Huỳnh N về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn cũng như về mâu thuẫn đúng như bà Huỳnh N trình bày. Ông xét thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Huỳnh N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh N yêu cầu ly hôn với ông Đặng Hoàng T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Huỳnh N và ông Đặng Hoàng T chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 17/02/2021 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4/2021 cho đến nay mà không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống nên bà Huỳnh N yêu cầu được ly hôn, ông Đặng Hoàng T đồng ý ly hôn. Do hôn nhân giữa bà Huỳnh N và ông Đặng Hoàng T vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà Huỳnh N và ông Đặng Hoàng T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Huỳnh N và ông Đặng Hoàng T không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh N và ông Đặng Hoàng T thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Huỳnh N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh N và ông Đặng Hoàng T là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Huỳnh N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012375 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước